TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC I – THANH HOÁ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15/5/2026.
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Mai Thị Tiếp
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương- Thư ký,Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 212/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 148/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1988
Nơi thường trú: Tổ dân phố H, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa
Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Lê Đình C, sinh năm 1985
Nơi thường trú: Tổ dân phố H, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa
Hiện đang làm việc tại: Hàn Quốc

Tại phiên tòa chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

-*Về hôn nhân*: Tôi và anh Lê Đình C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ (nay là phường Đ, tỉnh Thanh Hóa) ngày 25/02/2013.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C đi xuất khẩu lao động không quan tâm đến vợ con, không chu cấp gửi tiền về cho tôi nuôi con. Tôi đã liên lạc với anh C nhiều lần và yêu cầu anh C gửi tiền về để nuôi con; tuy nhiên anh C không có trách nhiệm gửi tiền về để nuôi con, không cho tôi biết địa chỉ làm việc của anh C tại Hàn Quốc; do đó tôi

không biết địa chỉ cụ thể của anh C hiện nay đang ở đâu và làm công việc gì. Mặt khác hai vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không còn tình cảm thương yêu nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ đầu năm 2025, vợ chồng không còn liên lạc qua lại với nhau, không biết thông tin về nhau. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Đình C.

-*Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Đình Thái S, sinh ngày 13/6/2016. Hiện nay cháu đang ở với tôi. Nếu được ly hôn tôi xin nuôi con, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với tôi

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2026 của chị Lê Thị T1 (em gái anh C) trình bày:

Tôi là em gái ruột của anh Lê Đình C. Anh C đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc từ năm 2016. Tôi không biết địa chỉ cụ thể của anh C hiện nay ở đâu, tôi không có số điện thoại của anh C; do đó không liên lạc được với anh C. Người thân của anh C gồm có: ông Lê Đình C1 (bố đẻ), bà Lê Thị L (mẹ đẻ), tôi Lê Thị T1 (em gái), em Lê Thị M đang sinh sống tại Hà Nội, em Lê Đình T2 (đang làm việc ở Hàn Quốc). Bố mẹ tôi hiện nay không có mặt tại địa phương, ông bà đi đâu, làm gì tôi cũng không biết. Hiện nay chỉ còn tôi đang ở địa phương. Đã từ lâu anh em chúng tôi không còn liên lạc với nhau.

Về mâu thuẫn giữa anh C và chị T như thế nào tôi không rõ. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh C tại Toà án tôi không có ý kiến gì.

Tại bản tự khai ngày 24/02/2026 cháu Lê Đình Thái S có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Chị Lê Thị T và anh Lê Đình C kết hôn với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc tại địa phương. Đến năm 2016 anh C đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, chị T đưa con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Về mâu thuẫn vợ chồng như thế nào địa phương không nắm được. Đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: chị T, anh C có 01 con chung tên là Lê Đình Thái S, sinh năm 2016. Hiện nay cháu S đang ở với mẹ, việc giao con cho ai nuôi đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản và công nợ: địa phương không biết anh chị có tài sản chung gì.

Tại phiên Tòa, anh Lê Đình C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật; tuy nhiên anh C vắng mặt không có lý do.

*Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn chị Lê Thị T chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Đình C đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần; tuy nhiên anh C vắng mặt không có lý do là không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị T. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Đình Thái S, sinh ngày 13/6/2016. Hiện nay anh C đang làm việc tại Hàn Quốc; chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi

con; do đó đề nghị HĐXX giao cháu S cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; do đó anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị T; Về tài sản và công nợ: chị T không yêu cầu Toà án giải quyết, đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Chị Lê Thị T và anh Lê Đình C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Đ, tỉnh Thanh Hóa. Chị T xin ly hôn anh C tại Tòa án. Đây là quan hệ về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật; tuy nhiên chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị T và anh Lê Đình C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ (nay là phường Đ, tỉnh Thanh Hóa) ngày 25/02/2013 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T là do anh C đi xuất khẩu lao động không quan tâm đến vợ con, không chu cấp gửi tiền về cho chị nuôi con. Chị đã liên lạc với anh C nhiều lần và yêu cầu anh C gửi tiền về để chị nuôi con; tuy nhiên anh C không có trách nhiệm gửi tiền về để chị nuôi con. Anh C2 không cho chị biết địa chỉ cụ thể của anh tại Hàn Quốc; do đó chị không biết địa chỉ cụ thể của anh C hiện nay đang ở đâu và làm công việc gì. Mặt khác vợ chồng anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không còn tình cảm yêu thương nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ đầu năm 2025, vợ chồng không còn liên lạc với nhau, không biết thông tin về nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Đình C.

Xét thấy, tình cảm giữa vợ chồng anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác anh chị đã không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau một thời gian dài. Do đó HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị T.

[3]*Về con chung*: Anh chị có 01 con chung tên là Lê Đình Thái S, sinh ngày 13/6/2016. Hiện nay cháu đang ở với chị T.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị T là hoàn toàn chính đáng của người làm cha, làm mẹ. Mặt khác hiện nay anh C đang đi làm tại Hàn Quốc không rõ địa chỉ; do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần giao cháu Lê Đình Thái S cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81; 82 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; do đó anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị T là phù hợp.

[4]*Về tài sản và công nợ*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của BLTTDS.

Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị T

Xử:

1.*Về hôn nhân*: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Đình C.

2.*Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Đình Thái S, sinh ngày 13/6/2016.

Giao cháu Lê Đình Thái S cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị T.

Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở

3.*Về tài sản và công nợ*: Chị T không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

4.*Về án phí*: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004326 ngày 24/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm,

Chị Lê Thị T, anh Lê Đình C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
-VKSND khu vực 1 – Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Ho ;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- UBND P.Đ,
tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu Hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Lý